TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST
Ngày: 21-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến

Ông Dương Đình Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 21/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 28/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/HSST-QĐ ngày 10/3/2020; Thông báo chuyển ngày xét xử số: 01/2020/TB-TA ngày 13/3/2020; Thông báo chuyển ngày xét xử số: 09/2020/TB-TA ngày 06/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T (tên gọi khác: Không); sinh ngày 06/10/1997 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có, tiền sự: Ngày 05/8/2019 bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Hoàng Xuân Đ (tên gọi khác: Không); sinh ngày 07/9/1988 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, đường M, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Đường M, tổ 01, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Sửa chữa xe môtô; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng

Xuân T, sinh năm 1966 và bà Lục Thị N, sinh năm 1969; vợ: Hoàng Thị H; có một con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/6/2012 bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích, đã thi hành xong và được xóa tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Vi Mạnh L (tên gọi khác: Không); sinh ngày 09/02/1992 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường Đ, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn X, sinh năm 1964 và bà Nông Thị L (Nông Bích D), sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thu H; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08/02/2017 bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt 750.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích, đã nộp phạt xong ngày 10/02/2017, được xóa tiền sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 37A/4, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Chị Lý Bích T, sinh năm 1985; địa chỉ: đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Anh Bế Việt A, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 324, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Phan Mạnh D, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Anh Lành Văn T, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Anh Nông Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Anh Lý Văn L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Anh Đàm Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

12. Anh Hoàng Tiến N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

13. Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

14. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

15. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Cao L,

tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

16. Anh Dương Trần Trung H, sinh ngày 10/02/2002;

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Thanh T;

Cùng địa chỉ: Khối 5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Cả hai đều vắng mặt.

17. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

18. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1991; đại chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

19. Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

20. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện , tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

21. Anh Mùng Văn S, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

22. Anh Lăng Văn T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

23. Anh Phí Ngọc S, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

24. Anh Lành Tiến T, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 64, đường B, thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

25. Anh Lương Văn L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Tổng Méo, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

26. Anh Lương Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

27. Anh Lành Trọng L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

28. Anh Lạc Văn B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

29. Anh Lạc Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Tổng Méo, xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

30. Anh Triệu Nam K, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

31. Anh Vi Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

32. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Bà Lương Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Ông Lê Phát T, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 01/1, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 9/2018, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L cùng góp vốn để mở dịch vụ cho vay lấy lãi, thuê địa điểm tại số 64, đường Trần Quang K, phường C, thành phố L; tùy theo mối quan hệ và số lượng tiền vay, Hoàng Văn T là người trực tiếp giao dịch với khách T vay tiền, lập giấy vay tiền hoặc ghi chép vào sổ sách để theo dõi và tính % (phần trăm) lãi suất cho khách tùy theo mối quan hệ với người cho vay.

Quá trình cho vay, Hoàng Văn T cùng Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L thỏa thuận với khách hàng về hai hình thức cho vay: Cho vay cắt lãi trừ vào tiền gốc và cho vay theo kiểu "bốc bát họ" cứ 10 ngày thu lãi một lần. Lãi suất được tính dựa trên số tiền vay gốc, không tính cộng dồn tiền vay gốc với tiền lãi chưa thanh toán để tính lãi. Cả ba hưởng lợi trực tiếp từ nguồn thu lãi thông qua hoạt động cho vay từ số tiền mình bỏ ra.

Trong khoản từ thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 8/2019, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L đã cho một số người dân trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vay tiền lãi suất cao, cụ thể đối với từng người như sau:

1. Nguyễn Thành C: Ngày 23/4/2019, Hoàng Văn T cho anh Nguyễn Thành C vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) thời hạn 40 (bốn mươi) ngày, cắt tiền lãi trước 2.000.000đ (hai triệu đồng). Hoàng Văn T cùng Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L góp mỗi người 2.670.000đ (hai triệu sáu trăm bảy mười nghìn đồng). Ngày 01/6/2019, anh C đã trả đủ 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Số tiền các bị cáo cắt lãi trước tương ứng với lãi xuất 180%/năm, gấp 09 lần lãi suất được phép tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tính theo lãi suất tối đa quy định của Bộ luật dân sự thì tiền lãi hợp pháp mà các bị cáo được hưởng với khoản vay trên là 219.178đ (hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi Tm đồng), đã thu lợi bất chính là 2.000.0000đ - 219.178đ = **1.780.822đ** (một triệu bảy trăm Tm mươi nghìn Tm trăm hai mươi hai đồng), mỗi bị cáo hưởng **593.607đ** (năm trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm linh bảy đồng) tiền thu lợi bất chính.

2. Lý Bích T:

- Ngày 21/11/2018, Hoàng Văn T cùng Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L mỗi người góp 1.000.000đ cho Lý Bích T vay 3.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay; chị Lý Bích T chưa thanh toán số tiền gốc và lãi.

- Ngày 31/12/2018, Hoàng Văn T và Hoàng Xuân Đ góp mỗi người 500.000đ cho Lý Bích T vay 1.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 10/01/2019, sau 10 (mười) ngày, chị T trả 70.000đ tiền lãi và trả 1.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 01/3/2019, Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L góp mỗi người 2.500.000đ cho Lý Bích T vay 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày. Do chị Lý

Bích T chưa thanh toán được số tiền gốc và lãi nên hai bên Thỏa thuận gộp với số tiền chưa thanh toán trước thành khoản vay mới 8.000.000đ, thỏa thuận lãi suất vay 7.000đ/triệu/ngày. Tính đến khoảng tháng 8/2019, hai bên thỏa thuận 150 ngày lãi, chị Lý Bích T đã trả 4.590.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Từ đó hai bên không tính tiền lãi với nhau.

- Ngày 01/6/2019, Hoàng Văn T cho Lý Bích T vay 3.000.000đ trong vòng 30 (ba mươi) ngày, nhưng T không lấy lãi và hiện nay T đã thanh toán khoản nợ cho T.

Với 03 (ba) khoản cho Lý Bích T vay nêu trên tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với khoản vay 1.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 5.479đ, đã thu lợi bất chính là 70.000đ - 5.479đ = **64.520đ**; Hoàng Văn T và Hoàng Xuân Đ mỗi người được hưởng **32.260đ** tiền thu lợi bất chính. Đối với khoản vay 8.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 657.534đ, đã thu lợi bất chính là 4.590.000đ - 657.534đ = **3.932.466đ**. Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L mỗi người được hưởng **1.966.233đ** tiền thu lợi bất chính.

Tổng số tiền Hoàng Văn T cùng Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L đã tính để thu lợi bất chính cho Lý Bích T vay tiền là **64.520đ** + **3.932.466đ** = **3.996.986đ**.

3. Bế Việt A: Ngày 23/5/2019 và ngày 24/5/2019, Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ góp mỗi người 5.000.000đ cho Bế Việt A vay 10.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 03/7/2019, sau 40 ngày, anh Bế Việt A đã trả 2.800.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ tiền gốc.

Với khoản cho Bế Việt A vay tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với khoản vay này thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 219.178đ, thu lợi bất chính là 2.800.000đ - 219.178đ = **2.580.822đ**. Hoàng Văn T và Hoàng Xuân Đ mỗi người hưởng **1.290.411đ** tiền thu lợi bất chính.

4. Phan Mạnh D:

- Ngày 16/10/2018, Hoàng Văn T và Vi Mạnh L góp mỗi người 5.000.000đ cho Phan Mạnh D vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 6.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 29/5/2019, sau 221 ngày, anh Phan Mạnh D đã trả 6.950.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc; từ đó đến nay hai bên không chốt số tiền lãi với nhau.

Khoản vay tương ứng với lãi xuất 219%/năm, gấp 10,95% lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng 1.220.958đ, thu lợi bất chính là 6.950.000 - 1.220.958đ = **5.729.042đ**. Hoàng Văn T và Vi Mạnh L mỗi người hưởng **2.864.521đ** tiền thu lợi bất chính.

- Ngày 21/3/2019, Hoàng Văn T cho Phan Mạnh D vay 10.000.000đ nhưng không lấy lãi; nay Phan Mạnh D đã trả hết.

5. Lành Văn T:

- Ngày 09/11/2018, Hoàng Văn T và Hoàng Xuân Đ góp mỗi người 1.500.000đ cho Lành Văn T vay 3.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 03/12/2018, sau 24 ngày, anh T đã trả 500.000đ tiền lãi và trả 3.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 24/12/2018, Hoàng Văn T cho Lành Văn T vay 3.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 30/01/2019, sau 36 ngày, anh T đã trả 610.000đ tiền lãi và trả 3.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 30/01/2019, Hoàng Văn T tiếp tục cho Lành Văn T vay 3.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 03/5/2019, sau 93 ngày, anh T đã trả 1.470.000đ tiền lãi và trả 3.000.000đ tiền gốc.

Với 03 (ba) khoản mà anh Lành Văn T vay tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 39.452đ, thu lợi bất chính là 500.000đ - 39.452đ = **460.548đ**; Hoàng Văn T và Hoàng Xuân Đ mỗi người hưởng **230.274đ** tiền thu lợi bất chính. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 59.178đ; thu lợi bất chính là 610.000đ - 59.178đ = **550.822đ**. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 152.876đ; thu lợi bất chính là 1.470.000đ - 152.876đ = **1.317.124đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã tính để thu lợi bất chính cho Lành Văn T vay tiền là **460.548đ** + **550.822đ** + **1.317.124đ** = **2.328.494đ** .

6. Nông Văn T:

- Ngày 13/5/2019, Hoàng Văn T và Vi Mạnh L góp mỗi người 5.000.000đ cho Nông Văn T vay 10.000.0000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 03/6/2019, sau 20 ngày, anh T đã trả 1.200.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 01/6/2019, Hoàng Văn T và Vi Mạnh L góp mỗi người 5.000.000đ cho Nông Văn T vay 10.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 6.000/triệu/ngày. Đến ngày 07/6/2019, sau 6 (sáu) ngày, anh T trả 360.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ tiền gốc.

Với 02 (hai) khoản tiền mà Nông Văn T vay nêu trên tương ứng với lãi xuất 255, 5%/năm gấp 12,775 lần và 219%/năm gấp 10,95 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 10.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 109.589đ, thu lợi bất chính là 1.200.000đ - 109.589đ = **1.090.411đ**; Hoàng Văn T và Vi Mạnh L mỗi người hưởng **545.205đ** tiền thu lợi bất chính. Đối với khoản vay 10.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 32.876đ, thu lợi bất chính là 360.000đ - 32.876đ = **327.124đ**; Hoàng Văn T và Vi Mạnh L mỗi người hưởng **163.562đ** tiền thu lợi bất chính.

Tổng số tiền Hoàng Văn T và Vi Mạnh L đã thu lợi bất chính khi cho Nông Văn T vay tiền là **1.090.411đ** + **327.124đ** = **1.417.535đ.**

7. Lý Văn L:

- Ngày 12/5/2019, Hoàng Văn T và Vi Mạnh L mỗi người góp 1.500.000đ cho Lý Văn L vay 3.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 21/5/2019, sau 09 (chín) ngày, Lịch trả 200.000đ tiền lãi và trả 3.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 24/8/2019, Hoàng Văn T tiếp tục cho Lý Văn L vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay; đến nay, Lý Văn L chưa trả tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

Với khoản tiền mà anh Lý Văn L vay nêu trên tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 14.794đ, thu lợi bất chính là 200.000đ - 14.794đ = **185.206đ**. Hoàng Văn T và Vi Mạnh L hưởng mỗi người **92.603đ** tiền thu lợi bất chính.

8. Đặng Văn Đ: Ngày 23/5/2019, Hoàng Văn T cùng Vi Mạnh L góp mỗi người 1.500.000đ cho Đặng Văn Đ vay tiền 3.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến khoảng ngày 23/10/2019, sau 150 (một trăm năm mươi) ngày, anh Đ đã trả 1.890.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Từ đó hai bên không tính tiền lãi với nhau.

Với khoản mà Hoàng Văn T và Vi Mạnh L cho anh Đặng Văn Đ vay nêu trên tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay này thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 246.575đ, Hoàng Văn T và Vi Mạnh L đã thu lợi bất chính là 1.890.000đ - 246.575đ = **1.643.425đ**, mỗi người được hưởng **821.712đ**.

9. Hoàng Văn S:

- Ngày 27/12/2018, Hoàng Văn T cho Hoàng Văn S vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 30/12/2018, anh S trả 300.000đ tiền lãi 10 ngày và 5.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 31/12/2018, Hoàng Văn T cho Hoàng Văn S vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 07/01/2019, sau 07 ngày, anh S trả 250.000đ tiền lãi và 5.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 15/02/2019, Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L góp mỗi người 5.000.000đ cho Hoàng Văn S vay 10.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 21/02/2019, sau 06 (sáu) ngày, anh S trả 490.000đ tiền lãi và 10.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 11/4/2019, Hoàng Văn T cho Hoàng Văn S vay 7.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay; nhưng S chưa trả tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

- Ngày 16/4/2019, Hoàng Văn T cho Hoàng Văn S vay 2.000.000đ và thỏa thuận cộng với số tiền vay chưa thanh toán thành 9.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 21/4/2019, sau 5 (năm) ngày, anh S đã trả 330.000đ tiền lãi và trả 9.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 16/8/2019, Hoàng Văn T cho Hoàng Văn S vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 26/8/2019, sau 10 (mười) ngày, anh S đã trả 500.000đ tiền lãi và 5.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 27/8/2019, Hoàng Văn T tiếp tục cho Hoàng Văn S vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000/triệu/ngày, tính lãi từ thời điểm vay; Hoàng Văn S chưa thanh toán tiền lãi và tiền gốc của khoản vay này.

Với các khoản tiền mà anh Hoàng Văn S vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255, 5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 5.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 27.397đ; thu lợi bất chính là 300.000đ - 27.397đ = **272.603đ**. Đối với khoản cho vay 5.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 19.178đ; thu lợi bất chính là 250.000đ - 19.178đ = **230.822đ**. Đối với khoản cho vay 10.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 32.876đ, thu lợi bất chính là 490.000đ - 32.876đ = **457.124đ**; Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L mỗi người hưởng **228.562đ** tiền thu lợi bất chính. Đối với khoản cho vay 9.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 24.657đ; thu lợi bất chính là 330.000đ - 24.657đ = **305.343đ**. Đối với khoản cho vay 5.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 27.397đ; thu lợi bất chính là 500.000đ - 27.397đ = **472.603đ**.

Tổng số tiền đã thu lợi bất chính khi cho Hoàng Văn S vay tiền là **272.603đ** + **230.822đ** + **305.343đ** + **472.603đ** = **1.281.371đ**; Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L đã thu lợi bất chính khi cho Hoàng Văn S vay tiền là **457.124đ** .

10. Đàm Văn D:

- Ngày 08/11/2018, Hoàng Văn T cho Đàm Văn D vay 3.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Ngày 25/4/2019, sau 165 ngày, anh D đã trả 3.520.000đ tiền lãi và trả 3.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 25/4/2019, Hoàng Văn T cho Đàm Văn D vay 1.000.000đ nhưng không lấy lãi; hiện nay, anh D đã trả cho Thành khoản vay này.

Khoản tiền anh Đàm Văn D vay nêu trên tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 271.232đ; Hoàng Văn T thu lợi bất chính là 3.520.000đ - 271.232đ = **3.248.768đ**.

11. Hoàng Văn C: Ngày 29/4/2019, Hoàng Văn T cho Hoàng Văn C vay tiền 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 02/6/2019, sau 33 ngày, anh C đã trả 1.690.000đ tiền lãi và trả 5.000.000đ tiền gốc.

Tương ứng với lãi xuất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay này thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 90.410đ; Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 1.690.000đ - 90.410đ = **1.599.590đ**.

12. Hoàng Tiến N: Ngày 25/01/2019, Hoàng Văn T cho Hoàng Tiến N vay 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay.

Đến ngày 02/6/2019, sau 126 ngày, anh N đã trả 4.150.000đ tiền lãi và trả 5.000.000đ tiền gốc.

Tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 345.205đ; Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 4.150.000đ - 345.205đ = **3.804.795đ**.

13. Hoàng Thị M: Ngày 27/4/2019, Hoàng Văn T cho chị Hoàng Thị M vay 15.000.000đ với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 29/5/2019, sau 32 ngày, chị M trả 2.100.000đ tiền lãi và trả 15.000.000đ tiền gốc.

Tương ứng với lãi xuất 182,5%/năm, gấp 9, 125 lần lãi suất được phép theo quy định; Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 263.013đ; Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 2.100.000đ - 263.016đ = **1.836.987đ**.

14. Đặng Văn Q: Ngày 22/5/2019, Đặng Văn Q vay tiền với Hoàng Văn T 2.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 22/7/2019, sau 60 ngày, anh Q đã trả 840.000đ tiền lãi và trả 2.000.000đ tiền gốc.

Tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 65.753đ; Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 840.000đ - 65.753đ = **774.247đ** .

15. Đặng Văn T: Ngày 03/3/2019, Hoàng Văn T cho Đặng Văn T vay tiền 3.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 03/10/2019, sau 210 ngày, anh T đã trả 4.470.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Từ đó hai bên không chốt số tiền lãi với nhau.

Tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 345.205đ, Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 4.470.000đ - 345.205đ = **4.124.795đ**.

16. Dương Trần Trung H: Ngày 22/11/2018, Hoàng Văn T cho Dương Trần Trung H vay 2.000.000đ , lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 15/7/2019, sau 235 ngày, anh H đã trả 2.800.000đ tiền lãi và trả 2.000.000đ tiền gốc.

Tương ứng với lãi xuất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 257.534đ, Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 2.800.000đ - 257.534đ = **2.542.466đ**.

17. Đặng Văn C: Ngày 04/2/2019, Hoàng Văn T cho Đặng Văn C vay 3.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 4/5/2019, sau 92 ngày, anh C đã trả 1.890.000đ tiền lãi và trả 3.000.0000 tiền gốc.

Tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 151.232đ, Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 1.890.000đ - 151.232đ = **1.738.768đ**.

18. Hoàng Văn C: Ngày 18/5/2019, Hoàng Văn T cho Hoàng Văn C vay 5.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 18/6/2019, sau 30 ngày, anh C đã trả 1.050.000đ tiền lãi và trả 5.000.0000đ tiền gốc.

Tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 82.191đ, Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính là 1.050.000đ - 82.191đ = **967.809đ**.

19. Triệu Văn Q:

- Ngày 15/2/2019, Hoàng Văn T cho Triệu Văn Q vay 10.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến 26/2/2019, sau 10 ngày, Triệu Văn Q đã trả 600.000đ tiền lãi và trả 10.000.0000đ tiền gốc.

- Ngày 25/4/2019, Hoàng Văn T cho Triệu Văn Q vay 3.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến 31/5/2019, sau 36 ngày, anh Q đã trả 930.000đ tiền lãi và trả 3.000.0000đ tiền gốc.

- Ngày 02/6/2019, Hoàng Văn T cho Triệu Văn Q vay 4.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến 25/8/2019, sau 83 ngày, anh Q đã trả 2.520.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc. Hai bên không tính thêm tiền lãi.

Với 03 (ba) khoản tiền vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 10.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 54.794đ; thu lợi bất chính là 600.000đ - 54.794đ = **545.206đ**. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 59.178đ; thu lợi bất chính là 930.000đ - 59.178đ = **870.822đ**. Đối với khoản vay 4.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 181.917đ; thu lợi bất chính là 2.520.000đ - 181.917đ = **2.338.083đ** .

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã tính để thu lợi bất chính cho Triệu Văn Q vay tiền là **545.206đ** + **870.822đ** + **2.338.083đ** = **3.754.111đ**.

20. Nguyễn Ngọc H:

- Ngày 18/10/2018, Hoàng Văn T cho Nguyễn Ngọc H vay 7.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 20/11/2018, sau 32 ngày, anh H đã trả 1.470.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

- Ngày 22/11/2018, Hoàng Văn T tiếp tục cho Nguyễn Ngọc H vay số tiền 3.000.000đ. Hoàng Văn T và Nguyễn Ngọc H thỏa thuận cộng số tiền gốc nợ của ngày vay 18/10/2018 thành khoản vay mới là 10.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Ngày 22/12/2018, sau 30 ngày, anh H đã trả 3.570.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 29/12/2018, Hoàng Văn T tiếp tục cho Nguyễn Ngọc H vay số tiền 2.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 7000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 22/01/2019, sau 23 ngày, anh H đã trả 600.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

- Ngày 03/02/2019, Hoàng Văn T cho Nguyễn Ngọc H vay số tiền 5.000.000đ, T và H thỏa thuận cộng số tiền gốc còn nợ ngày 29/12/2018 thành khoản vay mới là 7.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 7000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 03/04/2019, sau 60 ngày, anh H đã trả 2.940.000đ tiền lãi và trả 7.000.0000đ tiền gốc.

Với 04 (bốn) khoản mà Hoàng Văn T cho anh Nguyễn Ngọc H vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 7.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 122.739đ; thu lợi bất chính là 1.470.000đ - 122.739đ = **1.347.261đ**. Đối với khoản vay 10.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 164.383đ; thu lợi bất chính là 3.570.000đ - 164.383đ = **3.405.617đ**. Đối với khoản vay 2.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 25.205đ; thu lợi bất chính là 600.000đ - 25.205đ = **574.795đ**. Đối với khoản vay 7.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 230.136đ; thu lợi bất chính là 2.940.000đ - 230.136đ = **2.709.864đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã tính để thu lợi bất chính **1.347.261đ** + **3.405.617đ** + **574.795đ** + **2.709.864đ** = **7.677.537đ**.

21. Mùng Văn S:

- Ngày 29/10/2018, Hoàng Văn T cho Mùng Văn S vay 3.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 07/12/2018, sau 38 ngày, anh S đã trả 719.000đ tiền lãi và trả 3.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 02/4/2019, Hoàng Văn T cho Sấn vay 2.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 06/5/2019, sau 34 ngày, anh S đã trả 480.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

Với khoản mà Hoàng Văn T cho anh Mùng Văn S vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 62.465đ; thu lợi bất chính là 790.000đ - 62.465đ = **727.535đ**. Đối với khoản vay 2.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 37.260đ; thu lợi bất chính là 480.000đ - 37.260đ = **442.740đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Mùng Văn S cho vay tiền là **727.535đ** + **442.740đ** = **1.170.275**.

22. Lăng Văn T: Ngày 22/5/2019, Hoàng Văn T cho Lăng Văn T vay tiền 2.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 22/6/2019, sau 30 (ba mươi) ngày, anh T đã trả 420.000đ tiền lãi và trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền gốc.

Tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 32.876đ, thu lợi bất chính là 420.000đ - 32.876đ = **387.124đ**.

23. Phí Ngọc S: Ngày 11/5/2019, Hoàng Văn T cho Phí Ngọc S vay 10.000.000đ lãi suất thỏa thuận 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày

vay. Đến ngày 11/6/2019, sau 30 ngày, anh S đã trả 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi và 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền gốc.

Tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 164.383đ, thu lợi bất chính là 1.500.000đ - 164.383đ = **1.335.617đ**.

24. Lành Tiến T: Ngày 29/4/2019, Hoàng Văn T cho Lành Tiến T vay 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 05/5/2019, sau 7 (bảy) ngày, anh T đã trả 175.000đ tiền lãi và trả 5.000.000đ tiền gốc.

Tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất được phép theo quy định. Tiền lãi hợp pháp được hưởng là 19.178đ , thu lợi bất chính là 175.000đ - 19.178đ = **155.822đ**.

25. Lương Văn L:

- Ngày 17/9/2018, Hoàng Văn T cho Lương Văn L vay 4.000.000đ (bốn triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Tuy nhiên, L chưa trả tiền lãi, thanh toán tiền gốc.

- Ngày 27/9/2018, Hoàng Văn T tiếp tục cho Lương Văn L vay 2.000.000đ hai bên thỏa thuận gộp với số tiền chưa thanh toán trước là 6.000.000đ lãi suất thỏa thuận 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ 17/9/2018. Lương Văn L trả trước 300.000đ tiền lãi. Đến ngay 30/9/2018, sau 13 (mười ba) ngày, anh L đã trả 540.000đ tiền lãi và trả 6.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 30/9/2018, Hoàng Văn T tiếp tục cho Lương Văn L vay 10.000.000đ với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 03/12/2018, sau 63 (sáu mươi ba) ngày, anh L đã trả 3.680.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền gốc.

- Ngày 16/4/2019, Hoàng Văn T cho Lương Văn L vay 3.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 25/4/2019, sau 10 ngày, đã trả 210.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

- Ngày 29/4/2019, Hoàng Văn T cho Lương Văn L vay 2.000.000đ , T và L thỏa thuận cộng dồn tiền nợ gốc ngày 16/4/2019 thành 5.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 11/8/2019, sau 101 ngày, anh L đã trả 3.150.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

Với các khoản tiền mà Hoàng Văn T cho anh Lương Văn L vay nêu trên tương ứng với lãi suất 182,5% gấp 9,125 lần và 255,5%/năm gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 6.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 42.739đ, thu lợi bất chính là 840.000đ - 42.739đ = **797.261đ**. Đối với khoản cho vay 10.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 345.205đ, thu lợi bất chính là 3.680.000đ - 345.205đ = **3.334.795đ**. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 16.438đ; thu lợi bất chính là 210.000đ - 16.438đ = **193.562đ**. Đối với khoản vay 5.000.000đ thì tiền

lãi hợp pháp được hưởng là 276.712đ; thu lợi bất chính là 3.150.000đ - 276.712đ = **2.873.288đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Lương Văn L vay tiền là **797.261đ** + **3.334.795đ** + **193.562đ** + **2.873.288đ** = **7.198.906đ**

26. Lương Văn T:

- Ngày 18/10/2018, Hoàng Văn T cho Lương Văn T vay 3.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 28/10/2018, sau 10 (mười) ngày, anh T đã trả 210.000đ (hai trăm mười đồng) tiền lãi và trả 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền gốc.

- Ngày 15/11/2018, Hoàng Văn T cho Lương Văn T vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 06/5/2019, anh T đã trả 1.400.000đ tiền lãi của 40 (bốn mươi) ngày vay và trả 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền gốc.

- Ngày 06/5/2019, Hoàng Văn T tiếp tục cho Lương Văn T vay 2.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 19/5/2019, sau 13 (mười ba) ngày, anh T đã trả 180.000đ (một trăm Tm mươi nghìn đồng) tiền lãi và trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền gốc.

- Ngày 19/5/2019, Hoàng Văn T cho Lương Văn T vay 4.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 19/8/2019, sau 90 ngày, anh T đã trả 1.680.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

Với các khoản tiền mà Hoàng Văn T cho anh Lương Văn T vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 16.438đ, thu lợi bất chính là 210.000đ - 16.438đ = **193.562đ**. Đối với khoản cho vay 5.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 109.589đ, thu lợi bất chính là 1.400.000đ - 109.589đ = **1.290.411đ**. Đối với khoản cho vay 2.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 14.246đ, thu lợi bất chính là 180.000đ - 14.246đ = **165.754đ**. Đối với khoản cho vay 4.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 197.260đ , thu lợi bất chính là 1.680.000đ - 197.260đ = **1.482.740đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Lương Văn T vay tiền là **193.562đ** + **1.290.411đ** + **165.754đ** +**1.482.740đ** = **3.132.467đ**

27. Lành Trọng L:

- Ngày 07/01/2019, Hoàng Văn T cho Lành Trọng L vay 10.00.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 02/3/2019, sau 55 ngày, đã trả 3.500.000đ tiền lãi và trả tiền vay gốc.

- Ngày 05/3/2019, Hoàng Văn T cho Lành Trọng L vay 3.00.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay.

- Ngày 26/3/2019, Hoàng Văn T cho Lành Trọng L vay 5.00.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay.

- Ngày 09/4/2019, Hoàng Văn T cho Lành Trọng L vay 10.00.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay.

- Ngày 23/4/2019, Hoàng Văn T cho Lành Trọng L vay 3.00.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay.

Tính từ ngày 05/3/2019 đến ngày 23/4/2019, Lành Trọng L đã vay tổng 21.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày. Đến ngày 13/5/2019, sau 68 (sáu mươi Tm) ngày, anh L đã trả 2.400.000đ tiền lãi và trả 19.000.000đ tiền gốc, chưa thanh toán 2.000.000đ tiền gốc. Từ đó hai bên không tính tiền lãi.

Với các khoản tiền mà Hoàng Văn T cho anh Lành Trọng L vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 10.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 301.369đ; thu lợi bất chính là 3.500.000đ - 301.369đ = **3.198.631đ**. Đối với khoản cho vay 21.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 782.465đ; thu lợi bất chính là 2.400.000đ - 782.465đ = **1.617.535đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Lành Trọng L vay tiền là **3.198.631đ** + **1.617.535đ** = **4.816.166đ**.

28. Lạc Văn B:

- Ngày 25/3/2019, Hoàng Văn T cho Lạc Văn B vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 28/3/2019, anh B đã trả 170.000đ tiền lãi tính cho 5 (năm) ngày và trả 5.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 15/4/2019, Hoàng Văn T cho Lạc Văn B vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 04/5/2019, sau 20 ngày anh B đã trả 700.000đ tiền lãi, chưa trả tiền gốc.

- Ngày 09/5/2019, Hoàng Văn T cho Lạc Văn B vay 5.000.000đ hai bên thỏa thuận gộp với số tiền chưa thanh toán trước thành 10.000.000đ với lãi suất 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 18/5/2019, sau 9 ngày, anh B đã trả 800.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ tiền gốc.

Với các khoản tiền mà Hoàng Văn T cho anh Lạc Văn B vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 5.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 13.698đ, thu lợi bất chính: 170.000đ - 13.698đ = **156.302đ**. Đối với khoản vay 5.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 54.794đ, thu lợi bất chính 700.000đ - 54.794đ = **645.206đ**. Đối với khoản cho vay 10.000.000đ lãi hợp pháp được hưởng 49.315đ, thu lợi bất chính là 800.000đ - 49.315đ = **750.685đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Lạc Văn B vay tiền là: **156.302đ** + **645.206đ** + **750.685đ** = **1.552.193đ** .

29. Lạc Văn D:

- Ngày 26/9/2018, Hoàng Văn T cho Lạc Văn D vay 10.000.000đ nhưng T không lấy lãi, anh D đã thanh trả tiền cho Thành.

- Ngày 23/2/2019, Hoàng Văn T cho Lạc Văn D vay 3.000.000đ lãi suất thỏa thuận 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 06/3/2019, sau 13 ngày đã trả 210.000đ tiền lãi và trả 3.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 25/3/2019, Hoàng Văn T cho Lạc Văn D vay 8.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 28/3/2019, sau 4 ngày đã trả 280.000đ tiền lãi và trả 8.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 30/3/2019, Hoàng Văn T cho Lạc Văn D vay 7.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 22/5/2019, sau 52 ngày đã trả 2.000.000đ tiền lãi và trả 7.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 26/7/2019, Hoàng Văn T cho Lạc Văn D vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 26/8/2019, sau 30 ngày đã trả 1.050.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

Với các khoản tiền mà Hoàng Văn T cho anh Lạc Văn D vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 3.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng đối là 21.369đ; thu lợi bất chính là 210.000đ - 21.369đ = **188.631đ**. Đối với khoản cho vay 8.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 17.534đ, thu lợi bất chính là 280.000đ - 17.534đ = **262.466đ**. Đối với khoản vay 7.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 199.452đ, thu lợi bất chính là 2.000.000đ - 199.452đ = **1.800.548đ**. Đối với khoản vay 5.000.000đ tiền lãi hợp pháp được hưởng là 82.191đ; thu lợi bất chính là 1.050.000đ - 82.191đ = **967.809đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Lạc Văn D vay tiền là **188.631đ** + **262.466đ** + **1.800.548đ** + **967.809đ** = **3.219.454đ** .

30. Triệu Nam K:

- Ngày 19/10/2018, Hoàng Văn T cho Triệu Nam K vay 2.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 09/01/2019, sau 50 ngày, anh K đã trả 700.000đ tiền lãi và trả 2.000.000đ tiền gốc.

- Ngày 21/01/2019, Hoàng Văn T nhận cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Y J, màu trắng, BKS 12D1 - 215.20 cho Triệu Nam K vay 5.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Tuy nhiên, anh K chưa thanh toán tiền gốc, tiền lãi.

- Ngày 03/02/2018, Hoàng Văn T tiếp tục cho Triệu Nam K vay 5.000.000đ hai bên thỏa thuận cộng với số tiền chưa thanh toán trước thành 10.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày. Đến ngày 26/02/2019, sau 35 ngày, anh K đã trả 1.225.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ và lấy lại xe.

- Ngày 05/3/2019, Hoàng Văn T tiếp tục nhận cầm cố xe mô tô cho Triệu Nam K vay 10.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 17/3/2019, sau 12 (mười hai) ngày, anh K đã trả 600.000đ tiền lãi và trả 10.000.000đ tiền gốc và lấy lại xe.

- Ngày 03/4/2019, Hoàng Văn T tiếp tục nhận cầm cố xe mô tô cho Triệu Nam K vay 6.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Tuy nhiên đến ngày 4/4/2019, K đã đến trả tiền gốc và nhận lại xe nên T không lấy tiền lãi.

Với các khoản tiền mà Hoàng Văn T cho anh Triệu Nam K vay nêu trên tương ứng với lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 2.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 54.794đ, thu lợi bất chính là 700.000đ - 54.794đ = **645.206đ**. Đối với khoản vay 5.000.000đ tiền lãi hợp pháp được hưởng 191.780đ, thu lợi bất chính 1.225.000đ - 191.780đ = **1.033.220đ**. Đối với khoản vay 10.000.000đ lãi hợp pháp được hưởng 65.753đ, thu lợi bất chính là 600.000đ - 65.753đ = **534.247đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Triệu Nam K vay tiền là **645.206đ** + **1.033.220đ** + **534.247đ** = **2.212.673đ** .

31. Vi Văn H:

- Ngày 11/11/2018, Hoàng Văn T cho Vi Văn H vay 2.000.000đ lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 12/11/2018, anh H trả 70.000đ tiền lãi tính cho 05 (năm) ngày và trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền gốc.

- Ngày 23/11/2018, Hoàng Văn T cho Vi Văn H vay 2.000.000đ (hai triệu đồng) lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 28/11/2018, sau 05 (năm) ngày, anh H trả 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng) tiền lãi và trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền gốc.

- Ngày 30/11/2018, Hoàng Văn T cho Vi Văn H vay 9.000.000đ lãi suất thỏa thuận 3.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 31/12/2018, sau 30 ngày, anh H trả 1.000.000đ tiền lãi và trả đủ tiền gốc.

- Ngày 12/5/2019, Hoàng Văn T cho Vi Văn H vay 2.000.000đ lãi suất thỏa thuận 5.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Đến ngày 12/8/2019, sau 90 ngày, đã trả 900.000đ tiền lãi, chưa thanh toán tiền gốc.

Với các khoản tiền mà Hoàng Văn T cho anh Vi Văn H vay nêu trên tương ứng với lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,75 lần; 182,5%/năm gấp 9,125 lần và 255, 5%/năm gấp 12,775 lần lãi suất được phép theo quy định. Đối với khoản vay 2.000.000đ đã trả lãi 5 (năm) ngày thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 5.479đ, thu lợi bất chính là 70.000đ - 5.479đ = **64.521đ**. Đối với khoản vay 2.000.000đ đã trả lãi 5 (năm) ngày thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 5.479đ, thu lợi bất chính là 60.000đ - 5.479đ = **54.521đ**. Đối với khoản vay 9.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là 147.945đ, thu lợi bất chính là 1.000.000đ - 147.945đ = **852.055đ**. Đối với khoản vay 2.000.000đ thì tiền lãi hợp pháp được hưởng là **98.630đ**, thu lợi bất chính là 900.000đ - 98.630đ = **801.370đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T đã thu lợi bất chính khi cho Vi Văn H vay tiền là **64.521đ** + **54.521đ** + **852.055đ** + **801.370đ** = **1.772.467đ**.

Tổng số tiền Hoàng Văn T cùng Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L thu lợi bất chính của những người nêu trên do hoạt động cho vay lãi nặng là **80.523.861đ**, trong đó:

- Hoàng Văn T được hưởng **68.906.509đ** tiền thu lợi bất chính.

- Hoàng Xuân Đ được hưởng **4.341.347đ** tiền thu lợi bất chính.

- Vi Mạnh L được hưởng **7.276.005đ** tiền thu lợi bất chính.

Vật chứng của vụ án:

Ngày 27/8/2019 Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn T, thu giữ: 01 (một) Quyển sổ tay, trên bìa có in chữ "sổ ghi chép" gồm 96 trang (tính cả bìa) trong đó có 05 (năm) trang có chữ; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082281192 mang tên Hoàng Văn T.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T giao nộp: 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh – trắng, có in chữ "we love" ghi trên bìa "tổng vay", ghi chép các khoản của Hoàng Văn T cho khách vay; 01 (một) quyển sổ bìa màu trắng – cam – xanh, có in chữ "Captain America" trên bìa sổ ghi "lãi", ghi chép các khoản thu tiền lãi mà khách vay trả; 21 (hai mươi mốt) Giấy mẫu "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền"; 01 (một) Giấy mẫu "giấy bán xe"; 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mang tên Đặng Văn Đ; 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mang tên Đặng Văn Q; 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mang tên Bế Việt A; 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mang tên Nguyễn Thành C; 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mang tên Lăng Văn T; 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mang tên Hoàng Văn N; 01 (một) Hợp đồng cho cá nhân vay tiền mang tên Lý Bích T; 01 (một) Giấy bán xe mang tên Lăng Văn T; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082009471 mang tên Nông Văn T; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082360261 mang tên Đặng Văn Đ; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082130293 mang tên Vi Văn H; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082376897 mang tên Dương Trần Trung H; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082281250 mang tên Mùng Văn S; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082370780 mang tên Lăng Văn T; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082378249 mang tên Triệu Nam K; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 082341521 mang tên Hoàng Văn N; 01 (một) Giấy phép lái xe số 200138001704 mang tên Bế Việt A; 01 (một) Giấy phép lái xe số 200137005673 mang tên Nguyễn Thành C; 01 (một) Đăng ký xe môtô số 021488 mang tên Triệu Văn Q; 01 (một) Đăng ký xe mô tô số 009745 mang tên Hoàng Tiến N; 01 (một) Đăng ký xe mô tô số 000486 mang tên Hoàng Thị B.

Khám xét khẩn cấp nơi ở Hoàng Xuân Đ, thu giữ: 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI: 353809080025015, 32G; Số tiền 42.618.000đ (bốn mươi hai triệu sáu trăm mười Tm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại Chứng minh thư nhân dân, bằng lái xe, giấy đăng kí xe mô tô cho các chủ sở hữu. Vật chứng còn lại: 01 (một) Quyển sổ bìa màu xanh – trắng, có in chữ "we love" ghi trên bìa "tổng vay", ghi chép các khoản của Hoàng Văn T cho khách vay; 01 (một) Quyển sổ

bìa màu trắng – cam – xanh, có in chữ "Captain America" trên bìa sổ ghi "lãi", ghi chép các khoản thu tiền lãi mà khách vay trả; 01 (một) Quyển sổ tay, trên bìa có ghi chữ "sổ ghi chép" gồm 96 trang (tính cả bìa) trong đó có 05 (năm) trang có chữ; 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI: 353809080025015, 32G; Số tiền 42.618.000đ (bốn mươi hai triệu sáu trăm mười Tm nghìn đồng)

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 13 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L đều khai nhận có hành vi cho một số người vay lãi nặng, như trong Cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Đề nghị Cơ quan pháp luật xem xét về hành vi của bị cáo và những người vay tiền, đã có sự thỏa thuận trước khi họ đồng ý vay, chứ các bị cáo không bắt ép. Các số liệu liên quan đến tiền gốc, nợ và tiền trả lãi như cáo trạng nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc.

Tại phiên tòa, phát biểu luận tội của kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xét xử các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và đề nghị:

- *Về hình phạt chính:*

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201 điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 36, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201 điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 36, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Xuân Đ từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 36, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vi Mạnh L từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

- *Về biện pháp tư pháp và phần dân sự:*

+ Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay của các bị cáo nhưng chưa trả để nộp vào Ngân sách Nhà nước: Chị Lý Bích T 8.000.000 đồng; Phan Mạnh D 10.000.000 đồng; Lý Văn L 5.000.000 đồng; Đặng Văn Đ 3.000.000 đồng; Hoàng Văn S 5.000.000 đồng; Đặng Văn T 3.000.000 đồng; Triệu Văn Q 4.000.000 đồng; Mùng Văn S 2.000.000 đồng; Lương Văn L 5.000.000 đồng; Lương Văn T 4.000.000 đồng; Lành Trọng L 2.000.000 đồng; Lạc Văn D 5.000.000 đồng; Vi Văn H 2.000.000 đồng. Tổng số tiền là 58.000.000 đồng.

+ Truy thu số tiền các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L cho người liên quan vay lãi nặng mà họ đã trả lại cho các bị cáo, để nộp ngân sách Nhà nước: Hoàng Văn T phải nộp 258.670.000 đồng; Hoàng Xuân Đ phải nộp: 14.670.000 đồng; Vi Mạnh L phải nộp:19.170.000 đồng (xác nhận bị cáo Vi Mạnh L đã nộp số tiền 36.446.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0006979, ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

+ Truy thu tiền lãi hợp pháp mà các bị cáo đã được hưởng: Bị cáo Hoàng Văn T: 15.331.405 đồng; Bị cáo Hoàng Xuân Đ: 550.318 đồng; Bị cáo Vi Mạnh L: 1.230.659 đồng.

+ Buộc các bị cáo Hoàng Văn T phải trả 68.906.509 đồng, Hoàng Xuân Đ phải trả 4.341.347 đồng, Vi Mạnh L phải trả 7.267.005 đồng là tiền lãi trái pháp luật cho những người đã vay tiền, cụ thể: Hoàng Văn T phải trả cho: Nguyễn Thành C 593.607 đồng, Lý Bích T 1.998.493 đồng, Bế Việt A 1.290.411 đồng; Phan Mạnh D 2.869.521 đồng, Lành Văn T 2.098.219 đồng, Nông Văn T 708.766 đồng; Lý Văn Linh 92.602 đồng; Đặng Văn Đ 821.712 đồng, Hoàng Văn S 1.281.370 đồng, Đàm Văn D 3.248.767 đồng, Hoàng Văn C 1.599.589 đồng, Hoàng Tiến N 3.804.795 đồng, Hoàng Thị M 1.836.986 đồng, Đặng Văn Q 774.247 đồng, Đặng Văn T 4.124.795 đồng, Dương Trần Trung H 2.542466 đồng, Đặng Văn C 1.738.767 đồng, Hoàng Văn C 967.808 đồng, Triệu Văn Q 3.754.109 đồng, Hoàng Ngọc H 8.037.534 đồng, Mỳ Văn S 1.170.274 đồng, Lăng Văn T 387.123 đồng, Phí Ngọc S 1.335.616 đồng, Lành Tiến T 155.822 đồng, Lương Văn L 7.198.905 đồng, Lương Văn T 3.132.466 đồng, Lành Trọng L 4.816.164 đồng, Lạc Văn B 1.552.191 đồng, Lạc Văn D 3.219.452 đồng, Triệu Nam K 2.212.671 đồng, Vi Văn H 1.772.467 đồng. Hoàng Xuân Đ phải trả cho: Nguyễn Thành C 593.607 đồng, Lý Bích T 32.260 đồng, Bế Việt A 1.290.411, Lành Văn T 230.274 đồng, Mỳ Văn S 228.561 đồng. Vi Mạnh L phải trả cho Nguyễn Thành C 593.607 đồng, Lý Bích T 1.966.233 đồng, Phan Mạnh D 2.869.521, Nông Văn T 708.766 đồng, Lý Văn L 92.602 đồng, Đặng Văn Đ 821.712 đồng, Hoàng Văn S 228.561 đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Quyển sổ tay, trên bìa có in chữ "sổ ghi chép" gồm 96 trang (tính cả bìa) trong đó có 05 (năm) trang có chữ; 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh – trắng, có in chữ "we love" ghi trên bìa "tổng vay"; 01 (một) quyển sổ bìa màu trắng – cam – xanh, có in chữ "Captain America" trên bìa sổ ghi "lãi", ghi chép các khoản cho khách vay thu tiền lãi mà khách vay trả là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội;

+ Trả lại cho bị cáo Hoàng Xuân Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội;

+ Trả lại cho bị cáo Hoàng Xuân Đ 01 phong bì niêm phong sau giám định bên trong có 42.618.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên tại phiên tòa. Lời nói sau cùng của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm trở về làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt 31 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn triệu tập hợp lệ 2 lần đến phiên tòa; anh Hoàng Văn C, Lương Văn T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa; các bị cáo có đồng ý xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên không gây trở ngại đến việc xét xử; mặt khác những người này cũng đã có lời khai của họ tại Cơ quan điều tra, không có yêu cầu về phần dân sự, cần thiết có thể công bố lời khai của họ. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, ngoài ra còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2018 đến tháng 8/2019 Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L đã cho 31 người vay trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vay tổng số tiền **350.510.000 đồng**, trong đó: Hoàng Văn T 303.170.000 đồng; Hoàng Xuân Đ 18.170.000 đồng và Vi Mạnh L 29.170.000 đồng với mức lãi suất từ 182,5 – 255,5%/năm (gấp 9,15 – 12,75 lần) lãi suất tối đa được phép quy định tại Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015). Số tiền 03 bị cáo thu lợi bất chính đã tính với người vay là **80.523.861 đồng** (Hoàng Văn T được hưởng 68.906.509 đồng tiền thu lợi bất chính; Hoàng Xuân Đ được hưởng 4.341.347 đồng tiền thu lợi bất chính; Vi Mạnh L được hưởng 7.276.005 đồng). Do đó bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Vụ án thuộc trường hợp đồng phạm nhưng có tính chất giản đơn, không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ; các bị cáo đều đóng vai trò người thực hành, trong đó Hoàng Văn T là người chủ động bàn bạc trước, rủ Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L góp vốn để mở dịch vụ cho vay lấy lãi; Hoàng Văn T là người

đứng ra trông coi cửa hàng và trực tiếp giao dịch với khách vay, những người đến vay tiền, tùy theo mối quan hệ, các bị cáo cùng góp tiền cho khách vay và số lượng tiền vay sẽ tính % (phần trăm) lãi suất khác nhau; các bị cáo Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L cùng góp tiền cho người vay vay tiền với lãi suất cao; số tiền thu lời bất chính của bị cáo Hoàng Văn T cao hơn gấp nhiều lần so với 02 bị cáo còn lại. Mặt khác, các bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Hoàng Văn T và phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Xuân Đ và Vi Mạnh L qua đó để bảo đảm tính giáo dục chung và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói riêng.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L, thấy rằng hành vi của các bị cáo là hành vi cho người khác vay tiền, với nhiều dạng khác nhau, có thể bằng văn bản, cầm cố tài sản hoặc hợp đồng miệng. Tuy đơn giản về thủ tục vay tiền, nhưng thủ đoạn là cho vay lãi suất cao, do các bị cáo tự đặt ra, cao gấp nhiều lần so với lãi suất tối đa được phép quy định tại Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015. Nếu người vay không kịp trả lãi đúng hạn, thì được bị cáo thông báo cộng lãi vào gốc, bắt ép người vay phải chịu nợ để trả lãi mẹ đẻ lãi con; đây là hành vi mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng nợ chồng chất, nguy cơ tan gia bại sản, là hành vi nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ của Nhà nước nói chung, mà còn tiềm ẩn nguy cơ xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

[6] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích hám lợi và thái độ xem thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[7] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì nhất thiết cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan của từng bị cáo, nhằm cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt, trên cơ sở xem xét, cân nhắc đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

[8] Nhân thân: 03 bị cáo đều có nhân thân không tốt gồm Hoàng Văn T có 01 tiền sự năm 2019; Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L đã từng bị xử lý hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích, mặc dù đã hết thời hạn bị coi là đã từng bị xử phạt vi phạm nhưng 02 bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, tu chí làm ăn lương thiện mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa 03 bị cáo đã thực sự thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi

phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu *(chưa có tiền án)* và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng (*Mức cao nhất của khung hình phạt bị truy tố đến 03 năm tù*) đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Vi Mạnh L đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 36.446.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn; ngoài ra bị cáo *(có bố đẻ là ông Vi văn X được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương vì an ninh tổ quốc năm 2013; Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất năm 2006; Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì năm 2014; được Bộ trưởng Bộ Công an tặng thưởng bằng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "vì an ninh tổ quốc" từ năm 2014-2015)* nên được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *(01 tình tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự)*.

[11] Ngoài hình phạt chính là cải tạo không giam giữ còn cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T là bị cáo đầu vụ, số tiền phạm tội lớn.

[14] Về áp dụng biện pháp tư pháp và phần dân sự trong vụ án:

[15] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay tiền của các bị cáo: Ngoài số tiền đã trả lại bị cáo một phần, số tiền còn lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả; xét đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp lại, để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[16] Truy thu số tiền gốc các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L cho người vay lãi nặng mà họ đã trả lại cho các bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước, trong đó: Hoàng Văn T phải nộp 258.670.000 đồng; Hoàng Xuân Đ phải nộp: 14.670.000 đồng; Vi Mạnh L phải nộp: 19.170.000 đồng

[17] Truy thu số tiền lãi hợp pháp các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L đã được hưởng tổng số tiền 17.112.382 đồng, để nộp Ngân sách Nhà nước, trong đó: Hoàng Văn T phải nộp 15.331.405 đồng, Hoàng Xuân Đ 550.318 đồng, Vi Mạnh L phải nộp 1.230.659 đồng.

[18] Buộc các bị cáo Hoàng Văn T phải trả 68.906.509 đồng, Hoàng Xuân Đ phải trả 4.341.347 đồng, Vi Mạnh L phải trả 7.267.005 đồng là tiền lãi trái pháp luật cho những người đã vay tiền.

[19] *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

[20] Tịch thu tiêu hủy 01 (một) Quyển sổ tay, trên bìa có in chữ "sổ ghi chép"; 01 (một) quyển sổ bìa màu trắng – cam – xanh là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho Hoàng Xuân Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho Hoàng Xuân Đ 42.618.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[21] Án phí: 03 bị cáo là người bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6,

điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[22] Con người, sự việc liên quan: Đối với số tiền 40.000.000đ Hoàng Văn T cho khách vay không tính tiền lãi nên chưa có căn cứ để xử lý, xem xét trong vụ án. Đối với một số khách vay, do không xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra không có căn cứ tiến hành xác minh nên Tòa chưa có căn cứ để xử lý, xem xét trong cùng vụ án. Đối với người đàn ông tên Trình một số lần cho Hoàng Văn T mượn tiền để người khác vay, Cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh nhưng không làm rõ được lai lịch để ghi lời khai. Do vậy không có căn cứ để xử lý, xem xét trong vụ án.

[23] Căn cứ theo Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tội danh và hình phạt.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L, đã phạm Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập của bị cáo Hoàng Văn T.

Xử phạt bổ sung bị cáo Hoàng Văn T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền bị cáo Hoàng Xuân Đ số tiền 70.000.000 đồng (Bẩy mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Phạt tiền bị cáo Vi Mạnh L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

Xác nhận bị cáo Vi Mạnh L đã nộp số tiền 36.446.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0006979, ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, nay còn phải thi hành tiếp số tiền 13.554.000 đồng.

II. Các biện pháp tư pháp và phần dân sự: Áp dụng Điều 123, 131 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

1. Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay của các bị cáo nhưng chưa trả để nộp vào Ngân sách Nhà nước:

Chị Lý Bích T 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); Phan Mạnh D 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Lý Văn L 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Đặng Văn Đ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Hoàng Văn S 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Đặng Văn T 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Triệu Văn Q 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Mùng Văn S 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Lương Văn L 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Lương Văn T 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); Lành Trọng L 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Lạc Văn D 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); Vi Văn H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tổng số tiền là 58.000.000 đồng (Năm mươi Tm triệu đồng).

2. Truy thu số tiền các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L cho người liên quan vay lãi nặng mà họ đã trả lại cho các bị cáo, để nộp ngân sách Nhà nước:

- Hoàng Văn T phải nộp 258.670.000 đồng (hai trăm năm mươi Tám triệu sáu trăm bẩy mươi nghìn đồng).

- Hoàng Xuân Đ phải nộp: 14.670.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm bẩy mươi nghìn đồng).

- Vi Mạnh L phải nộp:19.170.000 đồng (mười chín triệu một trăm bẩy mươi nghìn đồng).

3. Truy thu tiền lãi hợp pháp mà các bị cáo đã được hưởng:

- Bị cáo Hoàng Văn T: 15.331.405 đồng (Mười lăm triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm linh năm đồng).

- Bị cáo Hoàng Xuân Đ: 550.318 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn ba trăm mười Tm nghìn đồng).

- Bị cáo Vi Mạnh L: 1.230.659 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng)

4. Buộc các bị cáo Hoàng Văn T phải trả 68.906.509 đồng, Hoàng Xuân Đ phải trả 4.341.347 đồng, Vi Mạnh L phải trả 7.267.005 đồng là tiền lãi trái pháp luật cho những người đã vay tiền, cụ thể:

- Hoàng Văn T phải trả cho: Nguyễn Thành C 593.607 đồng, Lý Bích T 1.998.493 đồng, Bế Việt A 1.290.411 đồng; Phan Mạnh D 2.869.521 đồng,

Lành Văn T 2.098.219 đồng, Nông Văn T 708.766 đồng; Lý Văn L 92.602 đồng; Đặng Văn Đ 821.712 đồng, Hoàng Văn S 1.281.370 đồng, Đàm Văn D 3.248.767 đồng, Hoàng Văn C 1.599.589 đồng, Hoàng Tiến N 3.804.795 đồng, Hoàng Thị M 1.836.986 đồng, Đặng Văn Q 774.247 đồng, Đặng Văn T 4.124.795 đồng, Dương Trần Trung H 2.542466 đồng, Đặng Văn C 1.738.767 đồng, Hoàng Văn C 967.808 đồng, Triệu Văn Q 3.754.109 đồng, Hoàng Ngọc H 8.037.534 đồng, Mỳ Văn S 1.170.274 đồng, Lăng Văn T 387.123 đồng, Phí Ngọc S 1.335.616 đồng, Lành Tiến T 155.822 đồng, Lương Văn L 7.198.905 đồng, Lương Văn T 3.132.466 đồng, Lành Trọng L 4.816.164 đồng, Lạc Văn B 1.552.191 đồng, Lạc Văn D 3.219.452 đồng, Triệu Nam K 2.212.671 đồng, Vi Văn H 1.772.467 đồng;

- Hoàng Xuân Đ phải trả cho: Nguyễn Thành C 593.607 đồng, Lý Bích T 32.260 đồng, Bế Việt A 1.290.411, Lành Văn T 230.274 đồng, Hoàng Văn S 228.561 đồng;

- Vi Mạnh L phải trả cho Nguyễn Thành C 593.607 đồng, Lý Bích T 1.966.233 đồng, Phan Mạnh D 2.869.521, Nông Văn T 708.766 đồng, Lý Văn L 92.602 đồng, Đặng Văn Đ 821.712 đồng, Hoàng Văn S 228.561 đồng.

III. Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Quyển sổ tay, trên bìa có in chữ "sổ ghi chép" gồm 96 trang (tính cả bìa) trong đó có 05 (năm) trang có chữ; 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh – trắng, có in chữ "we love" ghi trên bìa "tổng vay"; 01 (một) quyển sổ bìa màu trắng – cam – xanh, có in chữ "Captain America" trên bìa sổ ghi "lãi", ghi chép các khoản cho khách vay thu tiền lãi mà khách vay trả là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội;

2. Trả lại cho: Bị cáo Hoàng Xuân Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số IMEI: 353809080025015, 32G và 01 phong bì niêm phong sau giám định có con dấu của phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn bên trong có 42.618.000 đồng, nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng được ghi chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn).

III. Án phí: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Xuân Đ, Vi Mạnh L mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

IV. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo; Tòa báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- CQCSĐT Công an TP.Lạng Sơn;
- Chi cục THA Dân sự TP. Lạng Sơn;
- UBND các P. Chi Lăng, P. Vĩnh Trại TP.Lạng Sơn;
UBND xã Tân Thành, huyện Cao Lộc, T. Lạng Sơn.
(*Để thi hành và thay thông báo kết quả xét xử*) ;
- Bị cáo: .....;
- Người có QL&NV liên quan:.....;
- Lưu Toà, Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường.